

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1429/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29/9/2017.
Về việc tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thành H

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng L

2. Ông Lê Bá H

- Thư ký phiên tòa : Ông Hoàng Hải Đ – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bá N – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 836/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1934/2017/QĐST- HNGĐ ngày 25/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 2130/2017/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn : Anh Nguyễn Văn V; địa chỉ cư trú: 578/36/6 Lê Quang Đ, Phường M, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Chị Lê Hồng Bảo N; địa chỉ cư trú: 578/36/6 Lê Quang Đ, Phường M, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/6/2017, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Văn V trình bày:

Anh V xây dựng gia đình cùng với chị Lê Hồng Bảo N vào năm 2002 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân Phường N, quận B, TP.HCM. Thời gian đầu khi mới kết hôn vợ chồng anh chị sống hạnh phúc. Mâu thuẫn gia đình phát sinh từ năm 2005. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm

sống về nhiều mặt, vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, chị N ham mê cờ bạc, lấy đồ đạc trong nhà đem cầm cố để đánh đề, cờ bạc và gây nợ bên ngoài, anh V phải đứng ra giải quyết trả nợ thay cho chị N. Bản thân anh V cũng nhiều lần khuyên nhủ nhưng chị N vẫn chứng nào tật ấy không thay đổi. Anh V đã cố gắng rất nhiều trong việc giải quyết mâu thuẫn vợ chồng nhưng đời sống hôn nhân không cải thiện được. Từ 02 năm nay anh V và chị N sống ly thân. Nay anh V xác định tình cảm vợ chồng không còn nên quyết định xin ly hôn với chị N để ổn định cuộc sống lo nuôi dạy con cái.

Về con chung: Quá trình chung sống anh V và chị N có 02 con chung tên Nguyễn Lê Xuân M, sinh ngày 15/12/2002 và Nguyễn Lê P, sinh ngày 08/3/2009. Anh V yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung 02 con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị N không đến Tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Chị N vắng mặt trong các buổi mời làm việc tại Tòa án cũng như vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không lấy được lời khai của chị N cũng như Tòa án không nhận được các tài liệu chứng cứ do chị N cung cấp. Tòa án vẫn tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào các ngày 07/8/2017 và ngày 24/8/2017 theo quy định pháp luật và đã gửi thông báo kết quả các phiên họp cho chị N được biết.

Do bị đơn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Anh V vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh V được ly hôn với chị N. Về con chung, anh V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Chị N vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Về tố tụng:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến thời điểm đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án. Cụ thể: Thực hiện đúng việc tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tổng đạt các văn bản cho đương sự, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự và đảm bảo thời hạn gửi các văn bản tố tụng cho đương sự và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu.

Về vi phạm tố tụng: Việc giao thông báo thụ lý vụ án cho nguyên đơn chưa đảm bảo thời hạn theo quy định tại Khoản 1 Điều 196 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thông báo thụ lý ban hành ngày 28/6/2017 nhưng đến ngày 17/7/2017 nguyên đơn mới nhận được thông báo thụ lý vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

- Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Đề xuất: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh V được ly hôn với chị N

- Về con chung: Chấp nhận giao hai trẻ Nguyễn Lê Xuân M, sinh ngày 15/12/2002 và Nguyễn Lê P, sinh ngày 08/3/2009 cho ông V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với chị N

- Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xét. Nợ chung không có nên không xét

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Anh Nguyễn Văn V có đơn yêu cầu xin ly hôn với chị Lê Hồng Bảo N, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Chị N có địa chỉ cư trú tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Anh V và chị N xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường N, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho anh V và chị N giấy chứng nhận kết hôn số 53/2002 quyền số 1 ngày 30/5/2002 nên quan hệ hôn nhân giữa anh V và chị N được công nhận là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được điều chỉnh bởi luật hôn nhân và gia đình.

Đối với yêu cầu xin ly hôn của anh V. Anh V xin ly hôn với chị N vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và thời gian sống ly đã lâu. Hội đồng xét xử xét thấy Hôn nhân chỉ đạt được mục đích khi được xây dựng trên cơ sở tình yêu thương tôn trọng giữa hai vợ chồng. Vợ chồng phải cùng có

trách nhiệm vun đắp, xây dựng gia đình hạnh phúc và cùng có trách nhiệm thương yêu, nuôi nấng, dạy dỗ con cái trưởng thành. Kết quả xác minh của chính quyền địa phương nơi anh V và chị N sinh sống thể hiện trước đây anh V và chị N có cuộc sống hạnh phúc, khi chị N sinh tật cờ bạc, đánh đề, gia đình nhiều lần khuyên ngăn nhưng không được và gia đình đã nhiều lần đứng ra trả nợ thay là phù hợp với lời trình bày của ông V. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổ chức các buổi hòa giải để tạo cơ hội nhằm mục đích giúp các đương sự giải quyết mâu thuẫn để trở về đoàn tụ, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc và cùng có trách nhiệm chăm lo cho con chung nhưng chị N không đến Tòa, điều đó chứng tỏ chị N không có thiện chí trong việc giải quyết mâu thuẫn gia đình và hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của anh V là có cơ sở nên được chấp nhận.

Xét yêu cầu được nuôi con của anh V: Do chị N không đến Tòa nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị N về con chung. Tuy nhiên, căn cứ bản sao giấy khai sinh trẻ Nguyễn Lê Xuân M, số 227/2002, quyển số 2 do Ủy ban nhân dân Phường N, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/12/2002 và bản sao giấy khai sinh trẻ Nguyễn Lê P, số 61 quyển số 01/2009 do Ủy ban nhân dân Phường M, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/3/2009 đã thể hiện 02 trẻ M và P là con chung của anh V và chị N. Kết quả xác minh của chính quyền địa phương, chị N là người chơi cờ bạc, đánh đề và gây ra nợ nần mà gia đình khuyên ngăn vẫn không được và nếu ly hôn thì anh V là người có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con tốt hơn. Hai trẻ Mai và Phi cũng mong muốn được ở với anh V. Hội đồng xét xử xét thấy 02 trẻ M và P cần phải có sự trông nom, chăm sóc trực tiếp, thường xuyên của cha hoặc mẹ. Xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của con trẻ, phù hợp nguyện vọng các cháu được sống chung với cha, theo quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, cần giao 02 trẻ M và P cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng. Anh V không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con, xét việc không yêu cầu là ý chí tự nguyện của anh V và không trái pháp luật nên ghi nhận.

Về tài sản chung: Anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết và do chị N vắng mặt không ghi nhận được ý kiến của chị N nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu các đương sự có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không phụ thuộc vào Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, anh V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 điều 28, điểm a Khoản 1 điều 35, điểm a Khoản 1 điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn V được ly hôn với chị Lê Hồng Bảo N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 53/2002, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân Phường 5, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho anh V và chị N ngày 30/5/2002 không còn giá trị kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Lê Xuân M, sinh ngày 15/12/2002 và Nguyễn Lê P, sinh ngày 08/3/2009 cho anh Nguyễn Văn V trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận sự tự nguyện của anh V không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu các đương sự có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác khi có yêu cầu.

4. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng anh Nguyễn Văn V phải chịu nhưng được cản trừ vào tiền tạm ứng án phí anh V đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0018854 ngày 23/06/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Anh V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền được thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- UBND Phường N, quận B,
- TP.Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thành H

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- UBND Phường 5, quận Bình Thạnh,
TP.Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Lê Thị Thành H**

